

Số: /BC-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
Thuyết minh quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2275/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Công văn số 9700/BTC-NSNN ngày 23/9/2022 của Bộ Tài chính về việc chuẩn bị cho công tác quyết toán ngân sách nhà nước từ năm 2021 trở đi;

Căn cứ kết quả, số liệu thực hiện nhiệm vụ thu, chi, quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 đã đối chiếu với Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, UBND tỉnh thuyết minh, báo cáo HĐND tỉnh để làm rõ thêm công tác điều hành, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022 của tỉnh như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành NSNN năm 2022

Với phương châm “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19*”, thực hiện các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về NSNN năm 2022 với mục tiêu hoàn thành cao nhất dự toán được giao; thực hiện đồng bộ các giải pháp chỉ đạo, điều hành¹ đáp ứng yêu cầu công tác quản lý thu, chi ngân sách, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân thanh toán vốn đầu tư công², tăng cường quản lý tài sản, kiểm soát chặt chẽ giá, thị trường; tổ chức kiểm tra công tác triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022 trên địa bàn các huyện, thành phố. Khẩn trương, quyết liệt chỉ đạo phân bổ dự toán nguồn vốn ngân sách trung ương và đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu

¹ Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022; Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022.

² Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 825-QĐ/TU, ngày 26/4/2022 về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành: Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo, cơ chế điều hành và danh mục các dự án trọng điểm năm 2022; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 về việc thành lập Đoàn kiểm tra và ban hành Kế hoạch kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng năm 2022; Công văn số 461/UBND-KT ngày 27/4/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài; Công văn số 539/UBND-KT ngày 18/5/2022 về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2022...

quốc gia (MTQG) đảm bảo tỷ lệ, thời gian theo quy định; phấn đấu hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn được phân bổ.

Chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, Cục Hải quan, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, các cơ quan liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, ban hành Phương án về thiết lập “vùng xanh” đảm bảo công tác phòng, chống dịch; tuyên truyền, duy trì mối liên hệ với các doanh nghiệp, thương nhân xuất, nhập khẩu trong việc triển khai ứng dụng nền tảng cửa khẩu số; xây dựng nội quy cửa khẩu; tăng cường trao đổi, hội đàm với phía Trung Quốc thống nhất việc giải quyết những bất cập của phương thức giao nhận hàng hóa; thành lập và hoạt động hiệu quả các Tổ hỗ trợ hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa; kịp thời tuyên truyền về các chính sách và tình hình thông quan tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh... vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh, vừa đảm bảo cho hoạt động thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu.

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thu ngân sách tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp thu năm 2022. Thực hiện tốt các Luật thuế, tập trung rà soát các nguồn thu trên địa bàn, lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh công tác chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, tăng cường các biện pháp xử lý nợ thuế; thực hiện quyết liệt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; triển khai áp dụng hóa đơn điện tử đảm bảo hoàn thành mục tiêu, lộ trình đã đề ra.

Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện chi NSNN theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ; ưu tiên dành nguồn kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, khắc phục hậu quả bão lũ và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của tỉnh; kịp thời rà soát, điều chỉnh, điều hòa các nguồn vốn để thúc đẩy tiến độ thực hiện, giải ngân.

Công tác quản lý thu, chi ngân sách được các ngành, đơn vị, các huyện, thành phố tích cực tổ chức triển khai thực hiện trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp đã được HĐND, UBND cùng cấp quyết định với quyết tâm phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 ở mức cao nhất.

II. Về thu ngân sách

1. Thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 7.295.743 triệu đồng, bằng 94,1% dự toán Trung ương giao, bằng 92,9% dự toán tỉnh giao, trong đó:

1.1. Thu nội địa: thực hiện 2.931.584 triệu đồng (bao gồm cả thu từ tiền sử dụng đất 948.259 triệu đồng; thu xổ số kiến thiết 15.298 triệu đồng), đạt 130,3% dự toán Trung ương giao, đạt 124,7% dự toán tỉnh giao. Thu nội địa không tính thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết là 1.968.027 triệu đồng, đạt 115,7% dự toán Trung ương giao, đạt 109,3% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó:

*** Có 12 khoản thu đạt và vượt dự toán giao, cụ thể:**

(1) Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: thực

hiện 31.467 triệu đồng, đạt 104,9% dự toán giao³.

(2) *Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*: thực hiện 9.627 triệu đồng, đạt 481,4% dự toán giao⁴.

(3) *Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh*: thực hiện 458.672 triệu đồng, bằng 113% dự toán giao. Nguyên nhân thực hiện tăng so với dự toán: mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, đa phần các ngành nghề, mặt hàng hoạt động cầm chừng, duy trì ở mức trung bình. Chính phủ ban hành một số chính sách về giãn, giảm, gia hạn thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động làm giảm số thu ở khu vực này⁵. Tuy nhiên, kết quả thu của một số doanh nghiệp sản xuất gỗ bóc tăng so với cùng kỳ do gia tăng sản xuất, mở rộng thị trường, xuất bán được hàng hóa với số lượng lớn⁶.

(4) *Lệ phí trước bạ*: thực hiện 161.185 triệu đồng, bằng 112,7% dự toán giao. Nguyên nhân thực hiện tăng so với dự toán do Chính phủ ban hành Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 quy định mức thu giảm 50% lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước từ ngày 01/12/2021 đến ngày 31/5/2022 nên số lượng xe mua mới tăng.

(5) *Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*: thực hiện 9.294 triệu đồng, đạt 232,4% dự toán giao. Nguyên nhân khoản thu này đạt cao do năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định 5 năm (2022 - 2027), một số người nộp thuế thực hiện nộp cho cả 5 năm.

(6) *Thuế thu nhập cá nhân*: thực hiện 122.642 triệu đồng, bằng 144,3% dự toán giao, tăng cao từ thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công⁷.

(7) *Tiền sử dụng đất*: thực hiện 948.259 triệu đồng, đạt 176,9% dự toán giao, trong đó: cấp tỉnh dự toán giao 359.100 triệu đồng, thực hiện 488.981 triệu đồng, bằng 136,2% dự toán, chủ yếu phát sinh từ dự án Điều chỉnh, mở rộng khu đô thị Nam Hoàng đồng I, dự án Khu dân cư trung tâm thị trấn Hữu Lũng, tiền chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án khu dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn; cấp huyện dự toán giao 176.900 triệu

³ Số thu từ khu vực này chủ yếu từ Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn. Năm 2022, Công ty phát sinh số nộp tăng hơn so cùng kỳ năm 2021. Do đó, số thu từ khu vực này đạt cao hơn so dự toán năm 2022 được giao.

⁴ Số thu đạt cao do Công ty cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ kê khai, nộp thuế đối với khối lượng hàng tồn từ năm 2021 chuyển sang (2,7 tỷ đồng); hợp đồng xuất khẩu với đối tác nước ngoài đến hết năm 2022 được thực hiện, nộp thuế trung bình 600 - 700 triệu đồng/tháng.

⁵ Giảm thuế giá trị gia tăng của tháng 12/2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ làm giảm số nộp của tháng 01/2022; giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ từ ngày 02/02/2022 đến 31/12/2022: 21 tỷ đồng.

⁶ Công ty TNHH MTV Trần Nguyệt Anh nộp 16,2 tỷ đồng; Công ty TNHH Bảo Lâm 686 nộp 6,5 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Lâm sản Hoàng Gia nộp 2,6 tỷ đồng...

⁷ Một số doanh nghiệp phát sinh do được phân bổ thuế thu nhập cá nhân cho các đơn vị phụ thuộc ở địa phương (theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) như Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh nộp 554,7 triệu đồng (6 tháng năm 2021 không phát sinh nộp); Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam nộp 685,9 triệu đồng (6 tháng năm 2021 không phát sinh nộp); Một số doanh nghiệp nộp cao so với cùng kỳ như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam nộp 4,2 tỷ đồng (6 tháng/2021 nộp 1,8 tỷ đồng); Công ty Điện lực Lạng Sơn nộp 5,9 tỷ đồng (6 tháng/2021 nộp 2,3 tỷ đồng)...

đồng, thực hiện 459.278 triệu đồng, bằng 259,6% dự toán, chủ yếu từ đấu giá quyền sử dụng đất, thu chuyển mục đích sử dụng đất⁸.

(8) *Tiền thuê mặt đất, mặt nước*: thực hiện 99.482 triệu đồng, đạt 284,2% dự toán giao. Nguyên nhân tăng cao là do trong năm phát sinh tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê 20.038 triệu đồng⁹, khoản ghi thu ghi chi giải phóng mặt bằng, nhà đầu tư ứng trước với số tiền 39.413 triệu đồng¹⁰.

(9) *Thu khác ngân sách*: thực hiện 299.684 triệu đồng, đạt 214,1% dự toán giao, bao gồm: thu tiền phạt 121.257 triệu đồng (*trong đó thu phạt vi phạm an toàn giao thông là 57.450 triệu đồng*); thu tịch thu 41.277 triệu đồng; thu tiền cho thuê, bán tài sản 10.471 triệu đồng; thu hồi các khoản chi năm trước 83.554 triệu đồng; các khoản thu khác còn lại 43.125 triệu đồng¹¹.

Số thu đạt cao do phát sinh một số khoản thu đột xuất trong năm như: khoản thu hồi các khoản chi năm trước 83.554 triệu đồng¹² là khoản thu thực hiện theo kết luận kiểm toán, thanh tra (*khoản thu này được theo dõi và nộp trả về ngân sách cấp trên đối với các chế độ chính sách*), thu hồi kinh phí cải cách tiền lương từ nguồn thu của đơn vị theo kết luận kiểm toán 10.629 triệu đồng, thu hồi kinh phí giảm giá nước sạch đô thị đã phân bổ cho Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn 3.468 triệu đồng...

(10) *Thu xổ số kiến thiết*: thực hiện 15.298 triệu đồng, đạt 117,7% dự toán giao, trong đó số thu nộp ngân sách của Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlott) là 4.591 triệu đồng.

(11) *Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*: thực hiện 51.676 triệu đồng, đạt 147,6% dự toán giao, số thực hiện tăng so với dự toán là do thu nợ của các đơn vị.

(12) *Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế*: thực hiện 2.864 triệu đồng, đạt 286,4% dự toán giao, trong đó thu hồi vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần xi măng Hồng Phong 700 triệu đồng và thu cổ tức được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp 2.164 triệu đồng.

⁸ Một số huyện có số thu cao như: thành phố Lạng Sơn 190.907 triệu đồng, huyện Đình Lập 47.216 triệu đồng, huyện Cao Lộc 46.859 triệu đồng, huyện Hữu Lũng 44.812 triệu đồng, huyện Chi Lăng 41.267 triệu đồng, huyện Bắc Sơn 31.680 triệu đồng, huyện Lộc Bình 27.343 triệu đồng.

⁹ Trong đó: thu được từ bán đấu giá tài sản trên đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất khu đất Bệnh viện đa khoa tỉnh (cũ) 10.800 triệu đồng, Công ty Cổ phần Điện Trường Thịnh Bán Lãi 1.119 triệu đồng, Công ty TNHH Quốc Anh Văn Quan 525 triệu đồng...

¹⁰ Trong đó: Công ty cổ phần thủy điện Sứ Pán 1 là 19.598 triệu đồng, Công ty cổ phần Hữu nghị Xuân Cương là 11.509 triệu đồng, Công ty TNHH Minh Hợp là 2.692 triệu đồng, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thanh Phát là 1.037 triệu đồng...

¹¹ Trong đó: thu hồi kinh phí cải cách tiền lương từ nguồn thu của đơn vị theo kết luận kiểm toán là 10.629 triệu đồng, Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn nộp tiền chênh lệch số thu dịch vụ theo kết luận của Thanh tra tỉnh là 9.508 triệu đồng, thu hồi kinh phí giảm giá nước sạch đô thị đã phân bổ cho Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là 3.468 triệu đồng, thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là 1.536 triệu đồng...

¹² Trong đó: gồm khoản thu hồi hoàn trả NSNN số kinh phí hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Bắc Việt 33.044 triệu đồng.

*** Có 01 khoản thu đạt dự toán Trung ương giao nhưng không đạt dự toán HĐND tỉnh giao**

(1) *Thu phí, lệ phí*: thực hiện 379.057 triệu đồng, đạt 109,9% dự toán Trung ương giao, đạt 85,2% dự toán tỉnh giao, trong đó chiếm tỷ trọng lớn là khoản thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu 303.048 triệu đồng, đạt 121,2% dự toán Trung ương giao, đạt 86,6% dự toán tỉnh giao.

*** Có 02 khoản thu không đạt so với dự toán HĐND tỉnh giao**

(1) *Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý*: thực hiện 204.707 triệu đồng, đạt 67,1% dự toán giao. Nguyên nhân hụt thu do: thực hiện một số chính sách miễn, giảm thuế do Trung ương ban hành nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19¹³; việc điều chỉnh giá điện nội bộ của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc¹⁴; thực hiện phân bổ thuế của các Tổng Công ty về chi nhánh trên địa bàn tỉnh trong khối doanh nghiệp nhà nước Trung ương¹⁵.

(2) *Thuế bảo vệ môi trường*: thực hiện 137.472 triệu đồng, bằng 80,9% dự toán giao. Nguyên nhân hụt thu do thực hiện các chính sách giảm thuế Trung ương ban hành¹⁶.

1.2. *Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu*: thực hiện 4.355.454 triệu đồng, đạt 79,2% dự toán giao. Nguyên nhân đạt thấp: năm 2022, phía Trung Quốc tiếp tục siết chặt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, người và phương tiện xuất nhập cảnh, làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động xuất, nhập khẩu chủ yếu tập trung tại cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, cửa khẩu Ga đường sắt Đồng Đăng và cửa khẩu phụ Tân Thanh, một phần rất ít phát sinh tại cửa khẩu chính Chi Ma.

Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, Cục Hải quan đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành tại khu vực cửa khẩu tăng cường công tác thông tin, trao đổi, hội đàm về các biện pháp phòng chống dịch, thúc đẩy thuận lợi hóa thông quan, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa. Kết quả thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2022 mặc dù chưa đạt dự toán giao, giảm so với cùng kỳ, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất về kim ngạch xuất nhập khẩu đường bộ các tỉnh trên tuyến biên giới Việt -

¹³ Giảm thuế GTGT của tháng 12/2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ, làm giảm số nộp của tháng 01/2022; giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, từ ngày 02/2/2022 đến 31/12/2022: 16 tỷ đồng.

¹⁴ Năm 2020: giá điện đầu vào là 916,15đ/kwh, giá bán điện đầu ra là 1.842,26đ/kwh; năm 2021: giá điện đầu vào là 1.356,9đ/kwh, giá bán điện đầu ra là 1.887,6đ/kwh; năm 2022: giá điện đầu vào là 1.428,5đ/kwh, giá bán điện đầu ra là 1.904,8đ/kwh.

¹⁵ Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP thực hiện phân bổ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương năm 2022 là 1,1 tỷ đồng (quý IV năm 2022, Tổng Công ty không phân bổ thuế cho tỉnh). Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP năm 2022 thu được 9,2 tỷ đồng.

¹⁶ Giảm theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: 48,2 tỷ đồng; giảm theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/7/2022 là 15 tỷ đồng.

Trung, đóng góp quan trọng cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và hoạt động xuất khẩu nông sản qua biên giới.

1.3. Thu viện trợ: thực hiện 3.854 triệu đồng, trong đó:

- Cấp tỉnh: 3.304 triệu đồng¹⁷.

- Cấp huyện: 550 triệu đồng¹⁸.

1.4. Các khoản huy động, đóng góp: 4.851 triệu đồng, trong đó:

- Cấp tỉnh: 2.900 triệu đồng¹⁹.

- Cấp huyện: 1.951 triệu đồng²⁰.

2. Khoản thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 246.910 triệu đồng.

2.1. Ngân sách tỉnh hoàn trả ngân sách Trung ương: 111.499 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí nhà ở người có công: 5.467 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện theo kiến nghị kiểm toán: 19.340 triệu đồng, bao gồm: kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng học, phòng công vụ cho giáo viên 14.396 triệu đồng; kinh phí thực hiện dự án đường Gốc Me - Yên Thịnh bổ sung hạng mục nhánh rẽ vào thôn Gạo Trong, xã Yên Thịnh 4.944 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách, Chương trình MTQG và nhiệm vụ khác: 39.146 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ chi phí vận chuyển còn dư của dự án Nhà máy chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn: 33.044 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện dự án "Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp" thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động: 236 triệu đồng;

- Vốn đầu tư các công trình, dự án: 172 triệu đồng;

¹⁷ Bao gồm: Tập đoàn Đường mía Đông Á, Trung Quốc hỗ trợ tỉnh Lạng Sơn trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua việc cung cấp thêm giường bệnh cho Bệnh viện đa khoa tỉnh 245 triệu đồng, dự án "Cải thiện điều kiện học tập cho trẻ em xã Vạn Linh, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn" 698 triệu đồng, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và đẩy mạnh sự tham gia của học sinh, giáo viên và hội viên phụ nữ trong công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2022 là 674 triệu đồng, dự án Phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS 310 triệu đồng, tăng cường bình đẳng giới và giảm bạo hành gia đình 1.377 triệu đồng.

¹⁸ Tập đoàn Đường mía Đông Á, Trung Quốc hỗ trợ tỉnh Lạng Sơn trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua việc cung cấp thêm giường bệnh cho các cơ sở y tế, bao gồm: huyện Lộc Bình: 122,5 triệu đồng, huyện Văn Lãng: 122,5 triệu đồng, huyện Bắc Sơn: 305,4 triệu đồng.

¹⁹ Bao gồm: tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ hộ nghèo đón tết 500 triệu đồng; tài trợ kinh phí lập Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 của Công ty cổ phần Hữu Nghị Xuân Cường 700 triệu đồng; Công ty cổ phần vận tải thương mại Bảo Nguyên 700 triệu đồng, Công ty Cổ phần công nghệ tài nguyên năng lượng 1.200 triệu đồng.

²⁰ Bao gồm: kinh phí huyện Chi Lăng huy động đóng góp xây dựng Đền Chi Lăng và Đền Quan trấn ải 1.417 triệu đồng; huyện Văn Quan huy động đóng góp xây dựng nhà ở người có công 200 triệu đồng; huyện Đình Lập huy động đóng góp kinh phí tài trợ lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết trung tâm thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỷ lệ 1/500: 51 triệu đồng; thành phố Lạng Sơn huy động đóng góp kinh phí phi cắm mốc giới điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500: 282 triệu đồng.

- Kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 năm 2020: 1.044 triệu đồng;
- Vốn đầu tư nước ngoài: 13.050 triệu đồng.

2.2. *Ngân sách cấp huyện hoàn trả ngân sách tỉnh*: 123.436 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Hữu Lũng: 19.226 triệu đồng (*kinh phí thực hiện cải cách tiền lương*);
- Huyện Chi Lăng: 4.723 triệu đồng²¹;
- Thành phố Lạng Sơn: 7.631 triệu đồng²²;
- Huyện Cao Lộc: 10.959 triệu đồng²³;
- Huyện Lộc Bình: 22.147 triệu đồng²⁴;
- Huyện Đình Lập: 3.639 triệu đồng²⁵;
- Huyện Văn Lãng: 7.379 triệu đồng²⁶;
- Huyện Tràng Định: 15.729 triệu đồng²⁷;
- Huyện Văn Quan: 10.511 triệu đồng²⁸;
- Huyện Bình Gia: 17.957 triệu đồng²⁹;
- Huyện Bắc Sơn: 3.535 triệu đồng³⁰;

2.3. *Ngân sách xã hoàn trả ngân sách huyện*: 11.975 triệu đồng, bao gồm: kinh phí thực hiện các chế độ chính sách; kinh phí cải cách tiền lương, kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG...³¹.

²¹ Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh là 435 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh là 4.114 triệu đồng...

²² Trong đó: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương là 7.350 triệu đồng, kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 là 184 triệu đồng...

²³ Trong đó: kinh phí cải cách tiền lương là 8.437 triệu đồng; kinh phí thực hiện các chế độ chính sách còn dư 1.256 triệu đồng; kinh phí Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 743 triệu đồng; kinh phí Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 117 triệu đồng...

²⁴ Bao gồm: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương là 19.897 triệu đồng; kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh là 1.651 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/QĐ-TTg: 599 triệu đồng.

²⁵ Bao gồm: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 3.318 triệu đồng, kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, sân thể dục, thể thao 321 triệu đồng.

²⁶ Bao gồm: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 6.873 triệu đồng; kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 506 triệu đồng.

²⁷ Bao gồm: kinh phí hết nhiệm vụ chi 3.085 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 5.286 triệu đồng; kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 367 triệu đồng.

²⁸ Bao gồm: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 10.452 triệu đồng; kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 30 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình MTQG 27 triệu đồng; kinh phí dịch tả lợn Châu Phi 2 triệu đồng.

²⁹ Bao gồm: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 17.121 triệu đồng; kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 816 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg là 20 triệu đồng.

³⁰ Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 290 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 3.037 triệu đồng; kinh phí thực hiện Đề án Giao thông nông thôn 89 triệu đồng; kinh phí bảo trợ xã hội 120 triệu đồng.

³¹ Chi tiết ngân sách cấp xã nộp ngân sách cấp huyện như sau: huyện Chi Lăng 2.309 triệu đồng; thành phố Lạng Sơn 1.702 triệu đồng; huyện Cao Lộc 1.941 triệu đồng; huyện Đình Lập 722 triệu đồng; huyện Văn Lãng 316

3. Khoản vay của ngân sách địa phương

Vay của ngân sách địa phương là 19.081 triệu đồng, đạt 73,4% so với dự toán giao³². Vay của ngân sách địa phương theo hình thức vay lại các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước không đạt dự toán giao do: tiến độ thi công, giải ngân vốn của một số dự án chưa theo kế hoạch được duyệt; thực hiện quy trình nghiệm thu, thủ tục xin rút vốn chậm; vướng mắc theo quy định của Hiệp định vay và cơ chế tài chính của dự án, cụ thể: (1) dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP): 1.832 triệu đồng, đạt 44% kế hoạch vốn³³; (2) Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn: 5.023 triệu đồng, đạt 79% kế hoạch vốn; (3) dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 03 huyện Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình: 561 triệu đồng, đạt 30,7% kế hoạch vốn; (4) dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập: 2.345 triệu đồng, đạt 59,8% kế hoạch vốn; (5) dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn: 9.320 triệu đồng, đạt 95,8% kế hoạch vốn.

4. Một số hạn chế trong thu NSNN

- Thu nội địa giảm so với cùng kỳ, trong đó có 03 khoản thu không đạt dự toán tỉnh giao; các nguồn thu ổn định có số thu lớn còn hạn chế, chủ yếu thu từ tiền sử dụng đất, nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chưa đạt dự toán HĐND tỉnh giao.

- Công tác quản lý, thu hồi nợ thuế được tăng cường thực hiện, số nợ thuế do ngành thuế quản lý có chiều hướng giảm, tuy nhiên khoản nợ có khả năng thu và nợ chờ điều chỉnh vẫn còn cao; việc rà soát, trình xử lý số nợ thuế hoạt động xuất nhập khẩu thuộc đối tượng xóa và khoan nợ theo quy định còn chậm, tổng nợ thuế là 548,2 tỷ đồng³⁴.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp chưa mang tính bền vững, tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương còn hạn chế; việc thực hiện đấu giá một số khu đất, tài sản công còn chậm; vẫn còn tình trạng thiếu chặt chẽ, thất thu trong công tác quản lý, kê khai thuế.

triệu đồng; huyện Tràng Định 992 triệu đồng; huyện Văn Quan 481 triệu đồng; huyện Bình Gia 2.044 triệu đồng; huyện Bắc Sơn 1.468 triệu đồng.

³² Dự toán giao đầu năm là 40.000 triệu đồng, điều chỉnh giảm trong năm là 14.000 triệu đồng, dự toán giao sau điều chỉnh là 26.000 triệu đồng.

³³ Dự án được Trung ương phê duyệt điều chỉnh một số nội dung, quy trình triển khai điều chỉnh ký kết phụ lục hợp đồng vay lại còn gặp vướng mắc trong xác định các danh mục dự án sử dụng vốn.

³⁴ Cục Thuế đã ban hành: 2.198 thông báo, đạt tỷ lệ 100%; 48 quyết định cưỡng chế với tổng số tiền là 1.755 triệu đồng, trong đó: trích tiền tài khoản: 32 quyết định cưỡng chế với số tiền là 1.426 triệu đồng; Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng: 05 quyết định cưỡng chế với số tiền là 217 triệu đồng; thu từ bên thứ ba: 11 quyết định với số tiền là 112 triệu đồng. Thực hiện công khai thông tin với 43 người nộp thuế với tổng số tiền là 266.252 triệu đồng. Các khoản nợ thuế thu nội địa đến 31/12/2022 là 361,361 tỷ đồng (*trong đó nợ có khả năng thu 355,613 tỷ đồng, nợ khó thu 4,775 tỷ đồng, nợ đang xử lý: 0,973 tỷ đồng*).

Cục Hải quan thực hiện khoan nợ 237 doanh nghiệp, thu hồi nợ thuế năm 2021 chuyển sang 6,2 tỷ đồng, thu hồi nợ thuế phát sinh trong năm 2022 là 4,5 tỷ đồng, dư nợ thuế đến ngày 31/12/2022 là 186,8 tỷ đồng.

5. Nguyên nhân của hạn chế

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp, hộ kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; giá nhiên liệu và các nguyên liệu đầu vào tăng, dẫn đến doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp giảm. Nhiều doanh nghiệp không có khả năng nộp tiền nợ đọng thuế; một số doanh nghiệp chây ì, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế... nên hiệu quả thu hồi nợ chưa cao (*trong đó nợ đọng thuế từ lĩnh vực xuất nhập khẩu đối với các khoản nợ khó thu, kéo dài, khoản nợ phát sinh trên 10 năm của các doanh nghiệp đã giải thể, phá sản chiếm đến 97%*).

- Việc triển khai các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của Trung ương nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và kiểm soát giá cả; việc điều chỉnh giá điện nội bộ của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc, thực hiện phân bổ thuế của các Tổng công ty về chi nhánh trên địa bàn tỉnh trong khối doanh nghiệp nhà nước Trung ương cũng ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các khoản thu trong năm giảm.

- Hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh chủ yếu là ở lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu không ổn định do phụ thuộc vào chính sách thương mại biên giới của Trung Quốc. Phía Trung Quốc áp dụng các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt ở mức độ cao đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, người và phương tiện xuất nhập cảnh để phòng, chống dịch Covid-19, thường xuyên thay đổi phương thức giao nhận hàng hóa tại các cửa khẩu, tiếp tục dừng thông quan tại các cửa khẩu phụ trên địa bàn tỉnh, triển khai quy trình giao nhận hàng hoá không tiếp xúc theo phương thức cát, đấu nổi container... khiến thời gian giao hàng kéo dài, năng lực thông quan chậm; đối với mặt hàng phương tiện vận tải có số thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bị ảnh hưởng do chính sách quản lý của Trung Quốc và việc thực hiện phòng chống dịch (*như điều tiết xe xếp hàng lần lượt và ưu tiên mặt hàng nông sản, linh kiện sản xuất; mỗi nhãn hiệu ô tô được đăng ký theo một tỷ lệ hạn chế (khoảng 10 - 20 xe/ngày), mở tờ khai hai lần đối với mặt hàng ô tô có nhà máy sản xuất ngoài địa bàn tỉnh Quảng Tây*) đã chuyển hướng làm thủ tục nhập khẩu qua các cửa khẩu tại tỉnh khác có điều kiện thuận lợi hơn. Việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo Hiệp định thương mại, rất nhiều dòng hàng được cắt giảm thuế quan và có thuế suất nhập khẩu thấp (0%-5%) cũng ảnh hưởng đến số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

- Những tháng đầu năm, việc thực hiện rà soát và xây dựng phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đấu giá đất, tài sản công; công tác phối hợp thực hiện rà soát quy trình, thủ tục đấu giá đất, tài sản trên đất của một số đơn vị còn thiếu chủ động và chậm tiến độ.

III. Về chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương (không bao gồm chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới) thực hiện là 14.676.178 triệu đồng, đạt 135% dự toán Trung ương giao,

đạt 133,8% dự toán tính giao, cụ thể một số chỉ tiêu chi chủ yếu như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, chủ đầu tư, kiểm tra, đơn đốc triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, dự án đầu tư công khởi công mới năm 2022, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đề cao hơn nữa trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị, chủ đầu tư, chủ tịch UBND các huyện thành phố, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư; công tác chi đầu tư được kiểm soát chặt chẽ, đúng chế độ, chính sách, đơn giá, định mức do Nhà nước ban hành.

Tổng số chi đầu tư phát triển thực hiện là 2.967.321 triệu đồng, đạt 119,4% dự toán giao, tỷ lệ chi đạt cao do số quyết toán bao gồm cả quyết toán chi Chương trình MTQG là 613.016 triệu đồng, từ nguồn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi là 689.610 triệu đồng, chi từ nguồn vốn khác (*tăng thu tiền sử dụng đất, tăng thu tiết kiệm chi, chi khác*) là 382.121 triệu đồng, so với dự toán được sử dụng trong năm đạt 85%, trong đó:

1.1. Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực: 2.907.319 triệu đồng, đạt 119,9% dự toán tính giao.

*** Một số lĩnh vực thực hiện đạt và vượt kế hoạch giao**, do trong số quyết toán bao gồm quyết toán chi Chương trình MTQG được bổ sung dự toán trong năm như:

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 481.791 triệu đồng, đạt 228,2% dự toán giao, trong đó chi Chương trình MTQG được bổ sung dự toán trong năm với số tiền là 289.638 triệu đồng.

- Chi thể dục, thể thao: 3.728 triệu đồng, đạt 155% dự toán giao, trong đó chi Chương trình MTQG được bổ sung dự toán trong năm với số tiền là 569 triệu đồng.

- Chi các hoạt động kinh tế: 1.943.179 triệu đồng, đạt 107,2% dự toán giao. Có một số dự án được giao vốn từ nguồn vốn nước ngoài nhưng thực hiện chưa đạt dự toán giao như: dự án Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 4 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia và Lộc Bình nguồn vốn ODA, quyết toán: 9.218 triệu đồng/16.435 triệu đồng, đạt 56%; dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn - hợp phần 3 nguồn vốn ODA, chưa thực hiện quyết toán trong năm, chỉ tạm ứng 1.105 triệu đồng để thực hiện, sẽ thực hiện thanh toán, quyết toán vào niên độ năm 2023; các dự án có tiến độ giải ngân chậm do các nguyên nhân chính như: biến động giá vật liệu, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, quy định của Hiệp định vay và cơ chế tài chính của dự án. Trong số quyết toán bao gồm chi Chương trình MTQG được bổ sung dự toán trong năm với số tiền là 267.822 triệu đồng, chiếm tỷ trọng lớn nên số chi các hoạt động kinh tế vẫn vượt dự toán giao.

- Chi đảm bảo xã hội: 7.645 triệu đồng, đạt 362,3% dự toán giao, trong đó chi Chương trình MTQG được bổ sung dự toán trong năm với số tiền là 5.600 triệu đồng.

- Chi phát thanh, truyền hình: 158 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

* **Một số lĩnh vực chi chưa đạt dự toán theo kế hoạch**, cụ thể: chi quốc phòng: 67.507 triệu đồng, đạt 90,5% so với dự toán giao; chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 18.682 triệu đồng, đạt 99,6% dự toán giao; chi y tế, dân số và giao đình: 34.963 triệu đồng, đạt 90,5% dự toán giao; chi văn hóa thông tin: 69.650 triệu đồng, đạt 94,5% dự toán giao; chi bảo vệ môi trường: 20.577 triệu đồng, đạt 94,4% dự toán giao; chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 129.234 triệu đồng, đạt 76,2% dự toán giao.

Nguyên nhân do: thời tiết mưa nhiều, lũ lụt (nhất là trong quý II/2022) ảnh hưởng đến tiến độ thi công các dự án; tiến độ thi công, giải ngân, hoàn thành hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn của một số dự án chậm, phải điều hòa, điều chỉnh kế hoạch vốn trong năm. Trong năm 2022, số dự toán bị huỷ là 54.233 triệu đồng, số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm là 2.078 triệu đồng, do vậy cũng ảnh hưởng đến việc đạt chỉ tiêu dự toán giao, trong đó: nguồn vốn ODA là 42.150 triệu đồng; nguồn vay là 6.889 triệu đồng; nguồn địa phương là 5.186 triệu đồng;

1.2. Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật là 55.034 triệu đồng, đạt 107,2% dự toán giao, phát sinh tăng so với dự toán do trong năm trích bổ sung cho Quỹ Phát triển đất tỉnh từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất.

1.3. Chi đầu tư phát triển khác là 4.968 triệu đồng, trong đó: huyện Chi Lăng 4.112 triệu đồng, huyện Văn Lãng 503 triệu đồng, huyện Bình Gia 353 triệu đồng³⁵.

2. Chi thường xuyên

Tổng chi thường xuyên thực hiện 8.019.685 triệu đồng, đạt 97,9% dự toán giao. Nguyên nhân chưa đạt dự toán: một số chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền giao và được bố trí kinh phí từ đầu năm 2022, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn dư do giảm quy mô, giảm giá trị thực hiện sau đấu thầu; một số nội dung, nhiệm vụ chi thực hiện thấp hơn so với kế hoạch giao và một số nhiệm vụ chi được cân đối dự toán nhưng không triển khai thực hiện được do ảnh hưởng của dịch Covid-19; khó khăn trong công tác thẩm định giá, không có doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia dự thầu; văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa kịp thời³⁶.

³⁵ Đây là khoản chi trích hỗ trợ Quỹ Phát triển đất tỉnh của các huyện Chi Lăng, Văn Lãng, Bình Gia.

³⁶ Đối với nội dung công nghệ thông tin do đến ngày 25/10/2022 Bộ Thông tin và truyền thông mới có văn bản về hướng dẫn áp dụng đơn giá, định mức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn NSNN.

Chi thường xuyên được điều hành trong phạm vi dự toán giao, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng, phân bổ, giao dự toán đã bố trí ở các lĩnh vực chi. Ngân sách địa phương đã ưu tiên bố trí chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, khắc phục bão lũ, đảm bảo đời sống cho người dân; ngay trong dự toán đầu năm, đã chủ động sắp xếp đảm bảo nguồn kinh phí chi thường xuyên, các chế độ, chính sách do Trung ương, tỉnh ban hành và chủ động dành nguồn để thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, đề án, nghị quyết của tỉnh³⁷. Tổ chức, triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách đến các đối tượng bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do dịch Covid-19³⁸.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng, các huyện, thành phố triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo mục tiêu thúc đẩy, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN; phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu NSNN, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tinh giản biên chế; giảm trừ dự toán ngân sách cấp chi lương đã được kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh ngay tại dự toán giao đầu năm số tiền là 33.860 triệu đồng để bổ sung chi khác ngân sách đáp ứng nhu cầu chi các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, quan trọng của tỉnh; thực hiện giảm cấp trực tiếp từ NSNN đối với đơn vị sự nghiệp công lập được nâng mức tự chủ. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, thu hồi dự toán đã giao cho các đơn vị dự toán còn dư để bổ sung cho các nhiệm vụ chi khác đã thực hiện nhưng chưa đủ nguồn thanh toán và bổ sung chi khác ngân sách để đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của tỉnh với tổng số kinh phí trên 280 tỷ đồng.

Hoàn thành công tác giao tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022 - 2026 trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo tiến độ theo quy định³⁹. Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng và đấu thầu dịch vụ công theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

³⁷ Kinh phí tổ chức Đại hội Thể dục, thể thao cấp tỉnh, Đề án Giao thông nông thôn và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nhiệm vụ quan trọng của tỉnh.

³⁸ Thực hiện hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ cho 631 người lao động với số kinh phí hỗ trợ là 497,5 triệu đồng; hỗ trợ kinh phí NSNN năm 2022 cho Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn để thực hiện chi trả cho các đối tượng được giảm giá nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh với số tiền là 4.114, 7 triệu đồng...

³⁹ Đã thực hiện phê duyệt phương án tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh giai đoạn 2022 - 2026 theo quy định tại khoản 3, Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ được 92/94 đơn vị sự nghiệp thuộc khối tỉnh, trong đó: đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1): 03 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2): 06 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3): 23 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4): 60 đơn vị. Đối với 02 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Xây dựng (Trung tâm Quy hoạch Xây dựng, Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng) do đang thực hiện sáp nhập thành 01 đơn vị, do đó chưa có cơ sở thẩm định phương án tự chủ giai đoạn 2022 - 2026 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phê duyệt phương án tự chủ 689 đơn vị sự nghiệp cấp huyện.

*** Một số lĩnh vực thực hiện đạt và vượt dự toán giao như:**

- Chi quốc phòng: 194.558 triệu đồng, đạt 100,4% dự toán. Số quyết toán tăng so với dự toán giao đầu năm do trong năm ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh⁴⁰.

- Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ: 19.088 triệu đồng, đạt 127,1% dự toán trung ương giao, đạt 104,1% dự toán tỉnh giao. Số quyết toán tăng so với dự toán giao do bao gồm cả kinh phí năm trước chuyển sang 1.473 triệu đồng, nguồn ngân tỉnh bố trí thêm để thanh toán nợ các đề tài dự án năm trước chuyển sang 2.099 triệu đồng; thực hiện các năm đã kết thúc và đề tài đang thực hiện là 13.375 triệu đồng⁴¹.

- Chi lĩnh vực y tế, dân số và gia đình: 800.978 triệu đồng, đạt 100,8% dự toán. Số quyết toán tăng so với dự toán giao đầu năm do bổ sung trong năm cho các đơn vị thuộc ngành y tế thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: kinh phí thực hiện đề án khám chữa bệnh từ xa, kinh phí phòng chống dịch Covid-19 và các nhiệm vụ khác.

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 58.996 triệu đồng, đạt 106,3% dự toán giao. Số quyết toán tăng so với dự toán là do gồm cả kinh phí năm trước chuyển sang 5.102 triệu đồng và các huyện bổ sung kinh phí thực hiện nâng lương thường xuyên, thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác.

- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 32.336 triệu đồng, đạt 128,4% dự toán. Số quyết toán tăng so với dự toán là do trong năm các cấp ngân sách phát sinh kinh phí hỗ trợ tổ chức Đại hội Thể dục, thể thao tỉnh Lạng Sơn lần thứ IX, kinh phí sửa chữa hạng mục Sân vận động Đông Kinh phục vụ Đại hội Thể dục, thể thao tỉnh, công trình nhà ở cho học sinh, vận động viên năng khiếu của Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh; các huyện bổ sung kinh phí hỗ trợ xây mới sân tập thể dục, thể thao cho các xã phần đầu hoàn thành xây dựng nông thôn mới và cho các xã, phường, thị trấn.

- Chi sự nghiệp môi trường: 108.910 triệu đồng, đạt 109,3% dự toán giao, nguyên nhân do bổ sung kinh phí chi thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn đô thị từ nguồn chi khác và nguồn thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường.

- Chi các hoạt động kinh tế: 866.761 triệu đồng, đạt 120,9% dự toán giao. Số quyết toán tăng cao so với dự toán được giao là do trong năm phát sinh: tăng

⁴⁰ Kinh phí trang phục dân quân tự vệ; hỗ trợ đảm bảo cơ sở vật chất quân sự, quốc phòng; kinh phí diễn tập phòng thủ, diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng; kinh phí dân quân tự vệ, dự bị động viên, tổ chức hội thao Trung đội dân quân cơ động và thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng khác trên địa bàn tỉnh.

⁴¹ Tổng số 42 đề tài, trong đó: năm 2022 thực hiện 12 đề tài, kinh phí 4.818 triệu đồng; các năm trước chuyển tiếp sang năm 2022: năm 2021 thực hiện 19 đề tài với số kinh phí 7.398 triệu đồng, năm 2020 chuyển tiếp sang 01 đề tài với số kinh phí 187 triệu đồng, năm 2019 chuyển tiếp 4 đề tài với số kinh phí 360 triệu đồng, năm 2018 chuyển tiếp 6 đề tài với số kinh phí 612 triệu đồng.

kinh phí thực hiện chính sách của tỉnh⁴²; hỗ trợ xi măng giao thông nông thôn, kinh phí khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, bảo trì đường bộ; cấp tỉnh, cấp huyện cân đối bố trí nguồn kinh phí chi sửa chữa các công trình giao thông, kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất...

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 1.666.012 triệu đồng, đạt 109,3% dự toán tỉnh giao. Nội dung chi bao gồm: đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể; các chính sách chế độ, các đề án, kế hoạch và nhiệm vụ chính trị của tỉnh, các huyện, thành phố; thực hiện hỗ trợ, khuyến khích đào tạo và chính sách thu hút năm 2022; chi trả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP; hỗ trợ đối tượng dôi dư theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; kinh phí trợ cấp lần đầu, chuyển vùng theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, kinh phí chỉnh lý tài liệu...

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 374.059 triệu đồng, đạt 115,5% dự toán tỉnh giao. Số quyết toán tăng so với dự toán là do phát sinh tăng kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và hỗ trợ đợt 4, 5 năm 2021 đối với các trường hợp F0, F1, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng; kinh phí trợ cấp mai táng phí cho các đối tượng tham gia kháng chiến...

*** Một số lĩnh vực chi không đạt dự toán giao:**

- Chi an ninh, trật tự an toàn xã hội: 82.943 triệu đồng, đạt 85,1% dự toán. Quyết toán giảm so với dự toán được giao đầu năm do cuối năm thực hiện thu hồi kinh phí đầu tư xây dựng trụ sở công an xã 39.000 triệu đồng⁴³. Ngoài ra, trong năm thực hiện bổ sung kinh phí để thực hiện nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn theo quy định⁴⁴.

⁴² Theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025.

⁴³ UBND cấp huyện đang cập nhật điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2023, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới nên Sở Xây dựng chưa đủ cơ sở để thẩm định trình phê duyệt dự án.

⁴⁴ Như: chi đảm bảo an ninh trật tự, duy trì hoàn thiện việc triển khai Đề án 06 của Chính phủ; kinh phí khám sức khỏe sơ tuyến công dân thực hiện nghĩa vụ; sửa chữa hệ thống Camera giám sát an ninh trật tự; kinh phí tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến người cao tuổi trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh; kinh phí hỗ trợ đấu tranh chuyên án; kinh phí hỗ trợ tham gia giải quyết tranh chấp khiếu kiện và phòng, chống khủng bố; kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn Luật Bảo vệ bí mật nhà nước...

- Chi sự nghiệp giáo dục: 3.592.938 triệu đồng, đạt 92,2% so với dự toán đầu năm giao, trong đó: số quyết toán của khối tỉnh giảm so với dự toán giao do trong năm giảm dự toán tiết kiệm chi thường xuyên và các nhiệm vụ chi không thường xuyên không thực hiện phải thu hồi, giảm trừ dự toán NSNN năm 2022⁴⁵; khối huyện phát sinh tăng một số nhiệm vụ tỉnh bổ sung có mục tiêu như: kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do Trung ương ban hành⁴⁶, đồng thời các huyện, thành phố thực hiện cân đối nguồn kinh phí từ chi khác ngân sách và nguồn kết dư, tăng thu để chi trả 50% tiền lương, hợp đồng của khối giáo dục; kinh phí chi trả lớp ghép...

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 126.739 triệu đồng, đạt 91,8% dự toán tỉnh giao. Quyết toán giảm so với dự toán là do một số công trình chưa có khối lượng thực hiện, một số nhiệm vụ chi hết nhiệm vụ chi và giảm khối lượng thực hiện so với dự toán giao.

- Chi khác ngân sách: 75.367 triệu đồng, đạt thấp là do một số nhiệm vụ sau khi thực hiện được quyết toán vào các lĩnh vực chi khác (sự nghiệp kinh tế, quản lý hành chính, an ninh quốc phòng, văn hóa thể thao, đảm bảo xã hội...), trong đó:

+ Ngân sách cấp tỉnh là 21 triệu đồng, kinh phí thực hiện tiểu dự án 2 - giám sát, đánh giá thuộc dự án 7, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, bao gồm: Bảo hiểm xã hội tỉnh: 10,3 triệu đồng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội: 10,3 triệu đồng.

+ Ngân sách cấp huyện là 67.147 triệu đồng, bao gồm các nội dung chi: cấp bù chênh lệch lãi suất tiền vay ngân hàng thực hiện chính sách của tỉnh, hỗ trợ tri thức trẻ làm việc tại hợp tác xã và kinh phí truy suất nguồn gốc nhãn hiệu; hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã; hỗ trợ quảng bá sản phẩm; chi hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính; hỗ trợ tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia; hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan Trung ương; kinh phí ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay...

+ Ngân sách xã là 6.754 triệu đồng, gồm các nội dung chi: thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã, thị trấn một số nhiệm vụ chi chưa được bố trí trong dự toán đầu năm; một số nội dung chi khác chưa có trong chỉ tiêu theo quy định...

⁴⁵ Kinh phí trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 7, trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 10, mua sắm thiết bị phòng học bộ môn lý, công nghệ, hóa sinh, mua tài liệu dạy học tăng cường tiếng việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số cấp tiểu học với tổng kinh phí 139.200 triệu đồng do vướng mắc trong khâu thẩm định giá, không có giá so sánh đối với các thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và thiết bị phòng học bộ môn... nên không thực hiện được các quy trình thủ tục đấu thầu theo quy định và phải giảm trừ thu hồi về ngân sách tỉnh.

⁴⁶ Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo Thông tư số 42/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ...

3. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia⁴⁷

Tổng chi các Chương trình MTQG là 704.914 triệu đồng, đạt 53,2 % dự giao tính giao, trong đó: vốn đầu tư phát triển 613.015 triệu đồng, đạt 64,4% dự toán tính giao; vốn sự nghiệp 91.899 triệu đồng, đạt 24,6% dự toán tính giao.

Chi tiết từng Chương trình như sau:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 227.237 triệu đồng, đạt 35% dự toán tính giao.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 105.690 triệu đồng, đạt 46,7% dự toán tính giao.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 371.987 triệu đồng, đạt 82,7% dự toán tính giao.

Quyết toán chi các Chương trình MTQG đạt thấp so với dự toán do:

- Kế hoạch vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 mới được Trung ương giao cuối tháng 5/2022, tỉnh hoàn thiện giao vốn trong tháng 7/2022.

- Hệ thống văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình MTQG chưa được các Bộ, ngành Trung ương ban hành đầy đủ; khối lượng văn bản quy định về cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương là rất lớn, trong khi yêu cầu các địa phương phải hoàn thành phân bổ kế hoạch vốn ngay trong đầu tháng 7/2022 do đó một số nội dung phải thực hiện đồng thời (xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn tại địa phương đồng thời với việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch vốn) ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm.

- Một số định mức giai đoạn 2021 - 2025 do các Bộ, ngành Trung ương (y tế, giáo dục, nông nghiệp...) triển khai chưa có sự điều chỉnh nhiều so với giai đoạn trước theo thực tế, dẫn đến khó triển khai thực hiện.

- Việc rà soát, tổng hợp số liệu đầu kỳ của các cấp, ngành địa phương chưa dự báo chính xác sự biến động trong kỳ kế hoạch (các chỉ tiêu chính về tỷ lệ hộ nghèo, số xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và các chỉ tiêu cụ thể như: diện tích rừng, nhu cầu đào tạo,...), dẫn đến một số mục tiêu, nhiệm vụ sau khi tổng hợp, báo cáo các Bộ, ngành Trung ương cao so với khả năng thực hiện, một số nhiệm vụ cụ thể (khoản bảo vệ rừng, đào tạo dạy nghề,...) không đủ đối tượng thực hiện.

4. Chi trả nợ gốc, lãi vay theo quy định

Chi trả nợ gốc, lãi vay thực hiện là 5.887 triệu đồng, đạt 102,4% kế hoạch vốn được giao. Hiện nay, tỉnh Lạng Sơn chỉ còn phát sinh dư nợ vay các dự án vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ. Thực hiện theo các thỏa thuận/hợp

⁴⁷ Số quyết toán thực hiện theo Biểu mẫu số 62 - Thông tư 342/2016/TT-BTC đã được tổng hợp chi theo từng lĩnh vực tại mục chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

đồng vay lại, việc trả nợ gốc, lãi bằng đồng tiền nhận nợ là tiền ngoại tệ, do đó tại thời điểm thực tế trả nợ có sự chênh lệch quy đổi tỷ giá giữa tiền ngoại tệ và tiền Việt Nam đồng. Mặt khác, dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Lạng Sơn thực hiện trả nợ lãi nhập gốc trong thời kỳ ân hạn số tiền 697 triệu đồng cũng làm tăng số chi trả lãi vay, trong đó:

- Chi trả nợ gốc các dự án vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ: 4.399 triệu đồng⁴⁸.

- Chi trả nợ lãi vay thực hiện là 1.488 triệu đồng⁴⁹.

5. Khoản chi nộp ngân sách cấp trên

Thực hiện là 233.860 triệu đồng, cụ thể:

- Ngân sách cấp tỉnh nộp Trung ương: 98.449 triệu đồng.

- Ngân sách huyện nộp ngân sách tỉnh: 123.436 triệu đồng.

- Ngân sách xã nộp ngân sách cấp huyện: 11.975 triệu đồng.

(Đã thuyết minh tại khoản 2, mục II)

6. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính

Thực hiện là 1.400 triệu đồng, được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm, bằng số Bộ Tài chính giao.

7. Chi dự phòng ngân sách

Chi dự phòng ngân sách quyết toán là 180.645 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh là 64.797 triệu đồng⁵⁰.

- Ngân sách cấp huyện: 115.848 triệu đồng⁵¹.

⁴⁸ Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) là 1.611 triệu đồng; Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn là 1.161 triệu đồng; dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập là 900 triệu đồng; dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 04 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình là 671 triệu đồng; dự án “Chuẩn bị dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Lạng Sơn” - Hiệp định tài trợ số 2982 - VIE(COL) là 56 triệu đồng.

⁴⁹ Bao gồm: dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) là 423 triệu đồng; Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn là 169 triệu đồng; dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập là 111 triệu đồng; dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 04 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình là 54 triệu đồng; dự án “Chuẩn bị dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Lạng Sơn” - Hiệp định tài trợ số 2982 - VIE (COL): 9 triệu đồng; dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn là 722 triệu đồng.

⁵⁰ Bao gồm: chi hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng dịch Covid-19 là 1.210 triệu đồng; chi phòng, chống dịch Covid-19 là 42.823 triệu đồng; chi phòng chống cháy rừng: 960 triệu đồng; chi công tác quốc phòng và phòng chống khắc phục thiên tai là 19.804 triệu đồng.

⁵¹ Bao gồm: chi đầu tư xây dựng cơ bản 300 triệu đồng; chi đảm bảo xã hội (hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19, hỗ trợ nhà ở người có công...) là 12.115 triệu đồng; phòng, chống dịch Covid-19 là 69.413 triệu đồng; chi phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi, dịch trên trâu bò 97 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 565 triệu đồng; chi quản lý hành chính 10.005 triệu đồng; chi an ninh, quốc phòng, diễn tập phòng thủ 12.575 triệu đồng; chi sự nghiệp kinh tế 4.502 triệu đồng; chi khắc phục hậu quả thiên tai 5.106 triệu đồng; chi bù hụt thu ngân sách 869 triệu đồng; chi sự nghiệp khác 38 triệu đồng; chi sự nghiệp văn hóa, thể thao 263 triệu đồng.

8. Chi chuyển nguồn sang năm sau

Chi chuyển nguồn của tỉnh thực hiện là 3.431.121 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh 2.348.035 triệu đồng; ngân sách cấp huyện 915.624 triệu đồng; ngân sách cấp xã 167.462 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công: 1.238.911 triệu đồng, tăng 561.699 triệu đồng, bằng 182,9% cùng kỳ năm trước. Trong đó bao gồm: vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG theo quy định tại khoản 5, Điều 2, Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội và khoản 2 điều 68 Luật Đầu tư công là 254.815 triệu đồng; số dư tạm ứng chuyển nguồn sang năm sau là 897.052 triệu đồng⁵²; chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương theo khoản 2 điều 68 Luật Đầu tư công là 87.044 triệu đồng.

- Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm ký trước ngày 31/12/2021: 22.735 triệu đồng, tăng 22.613 triệu đồng so với số chuyển nguồn năm 2021⁵³.

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội: 713.910 triệu đồng, tăng 383.981 triệu đồng so với số chuyển nguồn năm 2021, tương ứng tăng 116,4% so với cùng kỳ⁵⁴.

- Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi: 15.656 triệu đồng, giảm 2.156 triệu đồng, tương ứng giảm 12,1% so với cùng kỳ⁵⁵.

- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9/2022, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc: 142.666 triệu đồng, tăng 5.127 triệu đồng, tương ứng tăng 3,7% so với cùng kỳ⁵⁶.

- Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các Đề tài, Dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện: 4.282 triệu đồng, tăng 2.819 triệu đồng, tương ứng tăng 192,7% so với cùng kỳ⁵⁷.

⁵² Bao gồm: nguồn ngân sách địa phương 157.001 triệu đồng, nguồn vốn trong nước 674.825 triệu đồng, nguồn vốn ngoài nước 58.659 triệu đồng, vốn vay 6.567 triệu đồng. Đây là số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi do chưa nghiệm thu khối lượng hoàn thành một số dự án; do vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng các dự án; số dư tạm ứng chi phí tư vấn và chi phí khác do chưa có khối lượng hoàn thành.

⁵³ Chuyển nguồn mua sắm trang thiết bị trường quay tọa đàm theo Hợp đồng số 012022/PTTH-THANHNAM ký ngày 28/12/2022: 2.929.392.000 đồng; chuyển nguồn cam kết chi của Sở Giáo dục và Đào tạo: 19.805.470.000 đồng.

⁵⁴ Kinh phí cải cách tiền lương, phụ cấp trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương, bảo trợ xã hội còn dư năm 2022 và kinh phí trích 70% tăng thu thực hiện năm 2022 so với dự toán năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

⁵⁵ Kinh phí của các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn kinh phí tự chủ được giao trong năm 2022, chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

⁵⁶ Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các đơn vị sau ngày 30/9, do vậy các đơn vị chưa triển khai xong nhiệm vụ, nguồn kinh phí còn dư tiếp tục chuyển sang năm sau để thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu đã giao.

⁵⁷ Kinh phí các đề tài, dự án khoa học công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau: 962.608 triệu đồng, tăng 375.170 triệu đồng, tương ứng tăng 63,9% so với cùng kỳ⁵⁸.

- Kinh phí khác theo quy định của pháp luật: 330.354 triệu đồng, tăng 205.778 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: kinh phí vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG chuyển nguồn theo quy định tại khoản 5, Điều 2, Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội là 294.681 triệu đồng và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách còn nhiệm vụ chi chuyển nguồn sang năm 2023 là 35.673 triệu đồng (*kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng năm 2022 đã phân bổ cho cấp huyện: 26.827 triệu đồng, kinh phí phòng chống dịch Covid-19 : 17 triệu đồng, kinh phí thực hiện tiền lương, chế độ chính sách, kinh phí cấp sau 30/9, ...: 8.829 triệu đồng*).

9. Một số hạn chế trong chi ngân sách

- Việc quản lý, sử dụng NSNN tại một số cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả, một số đơn vị có nhiệm vụ chi đã được giao dự toán từ đầu năm nhưng không triển khai thực hiện được hết, phải điều chỉnh giảm dự toán, thu hồi về ngân sách tỉnh; một số chế độ chính sách chưa được phân bổ kịp thời.

- Công tác thẩm định giá và tiến độ thẩm định giá, tổ chức đấu thầu còn gặp khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực y tế, giáo dục dẫn đến một số dự án không thực hiện được, một số dự án triển khai nhưng phải hủy thầu.

- Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong lộ trình thực hiện xây dựng định mức kinh tế, kỹ thuật và cơ chế đấu thầu theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

- Nhu cầu nguồn lực cho đầu tư phát triển, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí đối ứng các dự án, đối ứng các chương trình MTQG lớn, tuy nhiên nguồn ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn. Một số dự án trong quá trình triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư còn gặp nhiều khó khăn, tiến độ chậm, thủ tục điều chỉnh dự án còn một số vướng mắc. Công tác triển khai phân bổ dự toán và thực hiện giải ngân các Chương trình MTQG tại một số đơn vị, huyện còn chậm.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của một số ngành, huyện còn chưa được thực hiện thường xuyên, nhất là công tác tự kiểm tra; việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán tại một số đơn vị, cấp ngân sách còn chậm; công tác quản lý tài sản công một số nơi còn thiếu chặt chẽ.

10. Nguyên nhân của hạn chế

- Năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện các văn bản của Trung ương về thực

⁵⁸ Kinh phí tiết kiệm chi, điều chỉnh các nhiệm vụ chi và tăng thu ngân sách đã được ngân sách các cấp thực hiện xây dựng phương án sử dụng và xin ý kiến Thường trực HĐND cùng cấp chuyển nguồn sang năm sau theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

hiện Chương trình MTQG giai đoạn mới giai đoạn 2021 - 2025, việc phân bổ vốn của ngân sách Trung ương cho địa phương được thực hiện vào tháng 5 năm 2022 với yêu cầu khẩn trương, đảm bảo các quy định hiện hành. Tuy nhiên văn bản hướng dẫn của Trung ương ở một số lĩnh vực còn chưa được đồng bộ, thống nhất, dẫn đến việc phân bổ, hướng dẫn cũng như xây dựng văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở thực hiện chi còn gặp khó khăn khi triển khai, áp dụng.

- Một số chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị chưa sát sao trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, giải ngân thanh toán nguồn vốn, còn việc dồn chứng từ vào dịp cuối năm; một số chủ đầu tư thực hiện giải ngân chưa đúng với cam kết đã đề ra; quy trình mua sắm, đấu thầu trong năm còn chậm, tỷ lệ hoàn thành chưa cao do khó khăn về thẩm định giá và việc cung ứng hàng hóa.

- Một số vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được khắc phục, giải quyết kịp thời, dẫn đến tiến độ thẩm định dự án chậm hơn so với quy định hoặc chưa có mặt bằng sạch để thực hiện đầu tư xây dựng; một số văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện một số chế độ, chính sách ban hành còn vướng mắc, bất cập, chưa đầy đủ, đồng bộ⁵⁹.

- Công tác chỉ đạo điều hành của một số cơ quan, đơn vị, cấp ngân sách còn hạn chế, chưa chủ động cân đối bố trí kinh phí để thực hiện chi các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn theo phân cấp. Trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công và triển khai kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan tài chính các cấp và một số cơ quan, đơn vị dự toán chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên, hiệu quả chưa cao; việc kiểm tra, giám sát công tác phân bổ, giao dự toán của một số đơn vị đối với đơn vị dự toán cấp dưới chưa kịp thời, chặt chẽ, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý NSNN.

IV. Cân đối ngân sách địa phương

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Số thực hiện là 7.295.743 triệu đồng, bao gồm:

- Thu nội địa: 2.931.584 triệu đồng.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 4.355.454 triệu đồng.
- Thu viện trợ: 3.854 triệu đồng.
- Các khoản huy động, đóng góp: 4.851 triệu đồng.

2. Tổng thu ngân sách địa phương

Số thực hiện là 14.743.256 triệu đồng, cụ thể:

- Thu điều tiết ngân sách địa phương: 2.718.817 triệu đồng.

⁵⁹ Một số định mức đầu tư, hỗ trợ được đề xuất và làm căn cứ xây dựng thực hiện một số nội dung Chương trình MTQG các định mức về: hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất; đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa chợ; về công tác mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3,7,10, hiện nay còn thiếu thông tin về thẩm định giá một số mặt hàng, chưa có cơ sở để thẩm định giá; một số định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng đối với các sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP chưa ban hành, sửa đổi, bổ sung đầy đủ.

- Thu kết dư ngân sách năm 2021: 90.387 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 1.876.091 triệu đồng.
- Thu viện trợ: 3.854 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 9.899.615 triệu đồng, trong đó:
 - + *Thu bổ sung trong cân đối: 7.484.019 triệu đồng.*
 - + *Thu bổ sung có mục tiêu: 2.415.596 triệu đồng.*
- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 135.411 triệu đồng.
- Vay của ngân sách cấp tỉnh: 19.081 triệu đồng.

3. Tổng chi ngân sách địa phương

Số thực hiện là 14.676.178 triệu đồng, bao gồm:

3.1. Chi trong cân đối: 14.429.268 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 2.967.321 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi vay: 1.488 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 8.019.685 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.400 triệu đồng.
- Chi viện trợ: 3.854 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 3.431.121 triệu đồng.
- Chi trả nợ gốc: 4.399 triệu đồng.

3.2. Chi nộp ngân sách cấp trên: 246.910 triệu đồng.

4. Kết dư ngân sách: 67.078 triệu đồng.

- Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 56.914 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách cấp huyện: 6.430 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách cấp xã: 3.734 triệu đồng.

V. Tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán nhà nước

UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả thực hiện:

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước từ năm 2017 trở về trước thực hiện trong năm 2022 là 1.837 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 3.015 triệu đồng;

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2018 thực hiện trong năm 2022 là 6.110 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 3.120 triệu đồng.

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2019 thực hiện trong năm 2022 là 304 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 4.436 triệu đồng.

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2020 thực hiện trong năm 2022 là

5.075 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 1.384 triệu đồng.

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2021 thực hiện trong năm 2022 là 104.051 triệu đồng, đạt 100% kiến nghị, không còn số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện.

VI. Tình hình thực hiện các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Tổng số Quỹ tài chính ngoài NSNN hoạt động trên địa bàn tỉnh năm 2021: 07 quỹ do các sở, ngành thuộc tỉnh quản lý, cụ thể: (1) Quỹ Phát triển đất; (2) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; (3) Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; (4) Quỹ Hỗ trợ nông dân; (5) Quỹ Phòng chống thiên tai; (6) Quỹ Phòng chống tội phạm; (7) Quỹ Bảo vệ môi trường.

Về kinh phí thực hiện như sau:

- Tổng số dư nguồn đến 31/12/2021: 174.350 triệu đồng;
- Tổng nguồn vốn phát sinh: 103.236 triệu đồng;
- Tổng vốn đã sử dụng: 29.304 triệu đồng;
- Số dư nguồn đến 31/12/2022: 248.282 triệu đồng.

VII. Tình hình thu dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập

Tổng số thu dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 là 751.015 triệu đồng, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 81.886 triệu đồng.
- Sự nghiệp khoa học và công nghệ: 1.321 triệu đồng.
- Sự nghiệp y tế: 552.886 triệu đồng.
- Sự nghiệp văn hóa, thể thao và truyền thông: 14.708 triệu đồng.
- Sự nghiệp kinh tế: 48.119 triệu đồng.
- Sự nghiệp bảo vệ môi trường: 9.228 triệu đồng.
- Sự nghiệp khác: 42.867 triệu đồng.

(Có các biểu mẫu báo cáo theo quy định gửi kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, KBNN tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM;
- Lưu: VT, KT(MTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Tiến Thiệu